

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **277/2026/DS-PT**

Ngày: 15 – 4 – 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Lan Hương

Bà Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2026/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2025/DSST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 272/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: Đường D, khu tái định cư Đ, tổ E, ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Đường D, khu tái định cư Đ, tổ E, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1982, địa chỉ: Đường N, tổ B, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Đường N, tổ B, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai); có mặt.

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1**, sinh năm 1974, địa chỉ cư trú: Số A, khu phố N, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Hà Thị N, sinh năm 1965, địa chỉ: Số D đường Đ, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Số D đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1993, địa chỉ: 1, khu phố H, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: 109/30/26, khu phố A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai); xin vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh V, sinh năm 1971, địa chỉ: 1, khu phố H, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: 109/30/26, khu phố A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai); xin vắng mặt.

3. Ông Đặng Hữu T2, sinh năm 1957, địa chỉ: Đường D, khu tái định cư Đ, tổ E, ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Đường D, khu tái định cư Đ, tổ E, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai); xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1968, địa chỉ thường trú: 308 N, phường H, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: 308, N, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: 131b, tổ B, ấp T, phường H, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: 131b, tổ B, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/5/2017, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 có vay của bà Nguyễn Thị Kim H số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); khi vay, bà T1 nói có vay nợ của Ngân hàng mại cổ phần tư và triển (B) - Chi nhánh Đ đã đến hạn, nay mượn tiền bà H để đáo hạn; khi Ngân hàng giải ngân sẽ trả đủ cho bà H số tiền trên cộng lãi suất. Khi bà H đưa tiền cho bà T1 vay, hai bên có viết giấy cam kết và giấy đặt cọc mua nhà và đất để làm tin; đồng thời, có ông Lê Văn C làm chứng.

Khi nhận tiền, bà T1 nói để Ngân hàng điều chỉnh lại hợp đồng vay xong, bà T1 sẽ trả tiền cho bà H; sau đó, bà T1 nói Ngân hàng không cho vay do đất có tranh chấp, nên để bà T1 bán đất trả cho bà H. Bà H chờ đợi mãi không thấy bà T1 trả tiền, đã nhiều lần tìm đến nhà thì bà T1 trốn mất, sự việc kéo dài quá lâu mà bà T1 vẫn không trả lại tiền cho bà H, bà T1 có tình chiếm đoạt số tiền của bà H.

Vì bà H và bà T1 có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, nên trong đơn khởi kiện bà H đã tạm tính tiền lãi từ tháng 05/2017 đến tháng 4/2019, với mức lãi suất theo thỏa thuận hai bên là 345.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng, tiền lãi tạm tính từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2025, bà H đồng ý giảm cho bà T1 ½ tiền lãi và đồng ý trừ vào tiền lãi bà T1 đã trả 45.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà H yêu cầu được tính như sau: (500.000.000 đồng x 100 tháng x 0,83%/tháng = 415.000.000 đồng),

(415.000.000 đồng² = 207.500.000 đồng), (207.500.000 đồng – 45.000.000 đồng = 162.000.000 đồng) (làm tròn).

Yêu cầu khởi kiện: Buộc bà T1 trả cho bà H số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2025, với lãi suất 0,83%/tháng, tổng cộng số tiền lãi là 162.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà T1 có vay của bà H số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Lãi suất bà H tính 70.000.000 đồng/tháng, bà H yêu cầu bà T1 lập “giấy cam kết, giấy đặt cọc mua nhà và đất” để làm tin, thực tế không có việc mua bán nhà và đất. Bà T1 đã đóng tiền lãi cho bà H được 09 tháng, 03 tháng đóng tiền lãi cho bà H qua ông C thu trực tiếp từ bà T1; sau đó, bà H yêu cầu bà T1 trả lãi qua chuyển khoản cho bà H được 06 tháng. Tổng cộng, bà T1 đã trả lãi cho bà H là 630.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu đồng).

Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên bà T1 đã vay tiền của bà H với lãi suất trên 15%/tháng. Bà H đã cho bà T1 vay nặng lãi trong thời gian dài, hiện bà T1 không còn khả năng trả tiếp cho bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi 162.000.000 đồng thì bà T1 không đồng ý, vì tiền lãi bà T1 đã trả cho bà H nhiều hơn số tiền gốc, đề nghị Tòa án tính lại tiền lãi với lãi suất theo quy định pháp luật và trừ lại vào tiền gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đăng K trình bày:

Anh là cháu ruột của bà T1. Vào khoảng năm 2015, 2016, bà T1 có nhờ anh chuyển khoản cho bà H, anh đã chuyển khoản cho bà H qua Ngân hàng A và Ngân hàng B với số tiền khoảng 100 triệu đồng, không nhớ chính xác là chuyển bao nhiêu lần, bà T1 đưa tiền cho anh chuyển khoản giúp và không rõ chuyển tiền về nội dung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huỳnh V trình bày:

Bà là chị ruột của bà T1. Trong khoản thời gian từ năm 2015, 2016, bà T1 có nhờ bà chuyển khoản, vì thời gian đã lâu nên bà không nhớ đã chuyển khoản cho ai và với số tiền là bao nhiêu, bà không biết chuyển tiền về nội dung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hữu T2 trình bày:

Ông và bà H sống chung như vợ chồng từ năm 1980 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Năm 2017, bà H có cho bà T1 vay số tiền 500.000.000 đồng theo như giấy cam kết, giấy cam kết do bà H đứng tên. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đơn khởi kiện của bà H.

Người làm chứng ông Lê Văn C trình bày: Về giấy đặt cọc mua bán nhà đất ngày 03/5/2017 giữa bà H và bà T1, ông chỉ là người làm chứng. Ông không biết việc vay tiền và trả lãi giữa bà H và bà T1. Bà T1 khai đóng tiền lãi 03 tháng cho

bà H do ông thu trực là không đúng sự việc. Ông chỉ là người môi giới bất động sản, không có họ hàng gì với bà H và bà T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 247/2025/DSST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai (tóm tắt); Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Huỳnh Trúc . Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và hiệu lực bản án theo quy định của pháp luật

Vào ngày 25/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2025/DSST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (Tòa án khu vực 1 -Đồng Nai) với lý do theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm.

I. VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

-Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng theo Điều 52 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục phiên tòa phúc thẩm từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

-Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

1. Tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo; kháng nghị:

1.1. Về thủ tục kháng cáo: Xét thấy các đương sự nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 247/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy, kháng cáo của các đương sự hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Huỳnh Trúc. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng) là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo đồng thời tại phiên tòa bị đơn cung cấp được hai giấy nộp tiền thế hiện ông K chuyển tiền cho bà H với số tiền 25.000.000đ vào tháng 7 và tháng 8 năm 2017. Nguyên đơn cũng đồng ý căn trừ vào số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì kháng cáo, kháng nghị được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các bên đương sự đều thừa nhận ngày 03/5/2017 bà T1 có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng. Khi vay, các bên có lập “Giấy cam kết” và “Giấy đặt cọc mua nhà và đất” để làm tin. Tuy thực tế không có việc mua bán nhà đất giữa hai bên nhưng các giấy tờ này thể hiện rõ nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng đã trả được cho nguyên đơn một phần tiền gốc qua ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị Huỳnh V, tuy nhiên tại hồ sơ thể hiện lời trình bày của bà Vân xác định có chuyển tiền dùm cho bà T1 vào khoảng năm 2015 – 2016

nhưng bà V không nhớ chuyển tiền cho ai, số tiền cụ thể là bao nhiêu. Còn ông K trình bày có chuyển tiền cho bà H và qua một người bạn của bà H trong năm 2015-2016 khoảng 100.000.000 đồng (mỗi lần chuyển 10.000.000 đồng) nhưng ông K chỉ cung cấp được giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Á chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Kim H dùm cho bà T1 tổng số tiền là 45.000.000 đồng vào năm 2017, bị đơn thừa nhận quá trình giải quyết vụ án cũng chỉ cung cấp cho Toà án 04 sao kê cũng chỉ thể hiện số tiền 45.000.000 đồng nhưng ông K cũng không biết cụ thể tiền này là tiền gì, các giao dịch này không thể hiện rõ nội dung thanh toán tiền gốc vay hay lãi suất cho bà H. Ngoài ra, về thời gian và số tiền chuyển cũng không trùng khớp với lời trình bày của đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp thêm cho Hội đồng xét xử 02 giấy nộp tiền vào ngày 17/8/2017 với số tiền 10.000.000đ và giấy nộp tiền ngày 28/7/2017 với số tiền 15.000.000đ, thể hiện ông K chuyển tiền cho bà H mặc dù không thể hiện nội dung chuyển tiền gì, tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng xác định đồng ý căn trừ số tiền của hai biên lai trên vào số tiền lãi mà phía bị đơn phải cho nguyên đơn.

Đối với tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu: Tại giấy cam kết nêu trên thể hiện thời hạn vay tiền là 10 ngày nhưng hai bên không có thoả thuận trả lãi suất là bao nhiêu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay tiền không lãi và có thời hạn được quy định tại quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất với mức 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm). Nguyên đơn đồng ý giảm % tiền lãi cho bị đơn và trừ số tiền 45.000.000 đồng đã nhận của bị đơn vào tiền lãi và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi được làm tròn là 162.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 BLTTDS; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên, để có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử sẽ căn trừ số tiền mà phía bị đơn đã trả lại vượt quá vào số tiền gốc cụ thể như sau: $500.000.000đ - 70.000.000đ = 430.000.000đ \times 0,83\% \times 2 \times 100 \text{ tháng (từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2025)} = 178.450.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 608.450.000 đồng, trong đó tiền gốc là 430.000.000đ tiền lãi là 178.450.000đ đồng.

Từ những lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2025/DSST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai do có tình tiết mới.

[3]. Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm cũng được sửa phù hợp với quy định của pháp luật cụ thể bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 28.338.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần, do vậy bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2025/DSST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Huỳnh Trúc .

- Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc là 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 178.450.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 28.338.000 đồng (hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.900.000 đồng (Mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000020 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T1 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai số 0010099 ngày 02/12/2025 hành án dân sự Đồng Nai.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Hiệu lực của Bản án: Bản án Dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND KV1-Đồng Nai;
- Phòng THADS KV1- Đồng Nai;
- THA tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, TP, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương